

Họ tên _____
Lớp _____

2.5.1

LUYỆN TẬP CHUNG

Bài 1. Đọc số và nêu giá trị của chữ số 4, chữ số 8 trong mỗi số đó.

Viết số	Đọc số	Giá trị của chữ số 4	Giá trị của chữ số 8
38 391 942			
400 000 800			

Bài 2. Viết số, biết số đó gồm:

a. 6 triệu, 8 trăm nghìn, 4 chục nghìn, 5 nghìn, 9 trăm, 2 chục và 1 đơn vị.

.....

b. 9 triệu, 2 chục nghìn, 1 nghìn, 4 trăm và 3 chục.

.....

c. 5 chục triệu, 1 triệu, 7 nghìn, 4 trăm, 5 chục và 5 đơn vị.

.....

d. 7 tỉ, 1 triệu và 2 nghìn.

.....

Bài 3a. Làm tròn số và hoàn thành bảng bên dưới (theo mẫu).

Số	Làm tròn đến hàng trăm	Làm tròn đến hàng nghìn	Làm tròn đến hàng chục nghìn
2 516	2 500	300	
407			
7 359			
12 854			

b (Thử thách phụ). Làm tròn số và hoàn thành bảng bên dưới (theo mẫu).

Số	Làm tròn đến hàng triệu	Làm tròn đến hàng nghìn	Làm tròn đến hàng trăm
25 627 449	26 000 000	25 627 000	25 627 400
123 456 789			
82 175 263			
850 003 270			

Bài 4 (Thử thách phụ). Bảng dưới đây cho biết khoảng cách từ mỗi hành tinh trong hệ Mặt Trời đến Mặt Trời. Số liệu đã được làm tròn đến hàng triệu.

Hành tinh	Khoảng cách đến Mặt Trời (km)
Trái Đất	150 000 000
Sao Thủy	58 000 000
Sao Kim	108 000 000
Sao Hỏa	228 000 000
Sao Mộc	778 000 000
Sao Thổ	1 429 000 000
Sao Hải Vương	4 497 000 000 000
Sao Thiên Vương	2 900 000 000

Đọc dữ liệu trong bảng và trả lời câu hỏi.

a. Hành tinh nào ở gần Mặt Trời nhất?

.....

b. Hành tinh nào ở xa Mặt Trời nhất?

.....

c. Hãy sắp xếp các hành tinh theo thứ tự từ gần nhất đến xa nhất so với Mặt Trời.

.....

.....

.....

.....